1. Scrolling down/Scroling up: Cuộn xuống, cuộn lên.

Ex: Go to TOP screen, scrolling down and check contact information.

1. Click on + Something: Click vào

Ex: Click on the “Booking” button, to submit the booking request. Nhấp vào đặt phòng trực tuyến, để gửi yêu cầu đặt phòng

1. Mouse hover + on: rê chuột vào:

Ex: At the menu, hover on Booking button and check the mouse hover color.

1. Leave the filed blank: Bỏ trống trường
2. Leave the filed empty: Bỏ trống trường

Ex: At contact from, Leave all filed blank and click on Submit button

1. Check the validation message: Kiểm tra thông báo

Ex: At contact from, levae all filed empty and click on submit button. Check the validation message color

1. Missing/Lacking of: Thiếu/sót cái gì

Ex: Missing the phone at contact information.(Thiếu thông tin liên lạc tại thông tin liên lạc

Bảng Oders

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Order ID | Date | Price | Customer |
| 1 | 2017/07/07 | 12 | An |
| 2 | 2017/07/13 | 11 | Minh |
| 3 | 2017/07/11 | 5 | Van |
| 4 | 2017/07/23 | 24 | Trang |
| 5 | 2017/07/02 | 65 | An |
| 6 | 2017/07/28 | 105 | Van |

Lấy số lượng đơn đặt hàng của AN

CÚ PHÁP: Select count(Customer) as AN from Oders where “AN”;

Muốn đếm tổng số lượng hàng trog 1 bảng.

Cú phap: Select count(\*) as Number of Oders from Oders;

* Hàm LEN trả về chiều dài của chuỗi ký tự (Ký tự khoảng trắng cũng được tính)

SELECT LEN (column) from table\_name;

Hàm MAX: trả về giá trị lớn nhất của cột

Cú pháp: Select MAX(column\_name) from table\_name;

Hàm MIN trả về giá trị nhỏ nhất của cột

Hàm MID() được dùng để trả về một chuỗi phụ bắt đầu từ vị trí đã cho trong một trường ký tự.

SELECT MID(column\_name, start, length) FROM table;